

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 857/GPMT-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải phát sinh tại Nhà máy được thu gom xử lý sơ bộ trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bình Minh theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng ngày 03/6/2021 giữa Công ty Cổ phần – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông và Công ty TNHH Furukawa Automotive Systems Vĩnh Long Việt Nam.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh từ công nhân và nhân viên làm việc khoảng 213 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt của công nhân được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc, sau đó được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Bình Minh.

- *Nước thải từ nhà ăn:* Khoảng 126 m³/ngày.đêm, được thu gom và xử lý bởi sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ (thể tích 150m³), sau đó sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- *Nước thải sản xuất (từ công đoạn kiểm tra chất lượng:* Kiểm tra cường độ đập): khoảng 0,0045 m³/ngày.đêm, thành phần nước thải này có nhiễm hóa chất trong quá trình hóa nghiệm, do đó lượng nước thải này được thu gom riêng vào các thùng nhựa 30 lít/thùng, và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại và được xử lý như chất thải nguy hại.

Tổng lượng nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn là 339 m³/ngày.đêm, được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất 420 m³/ngày.đêm để xử lý

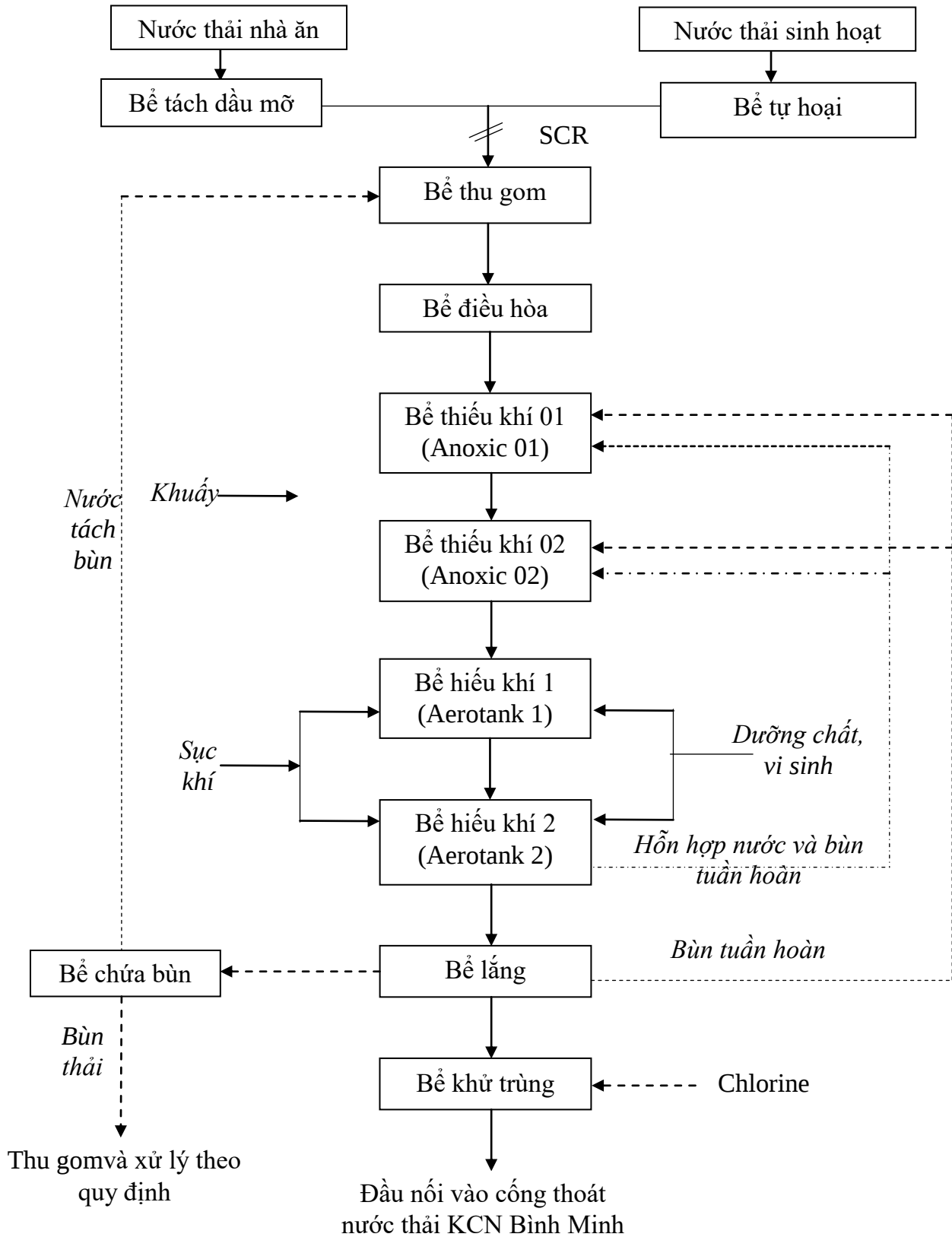
Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt theo thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Bình Minh (Công ty Cổ phần TV - TM - DV Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông). Chủ cơ sở cam kết đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo quy định. Nước thải được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Bình Minh qua 01 điểm đầu nối (tại hố ga Q302 trên trục đường D3).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* *Nước thải sinh hoạt:* Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc, tổng thể tích 625m³.

* *Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất xử lý:*

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Công suất: 420 m³/ngày (24 giờ) tương đương 17,5 m³/giờ.
- Công nghệ xử lý: Hóa - Sinh.
- Quy trình công nghệ xử lý



*** Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:**

- **Bể thu gom:** Nước thải từ Bể tách dầu mỡ của nhà ăn cùng với nước thải sau hầm tự hoại sẽ được dẫn vào Bể thu gom. Bể thu gom được bố trí song chắn rác sẽ giữ lại các chất rắn có kích thước lớn có thể gây hư hỏng các thiết bị máy bơm, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra, song chắn rác cũng đồng thời bảo vệ hệ thống đường ống dẫn nước thải không bị tắc nghẽn do rác gây ra.

Hai bơm chìm có công suất lớn được lắp đặt tại Bể thu gom và được điều khiển bởi hệ thống phao tự động. Các bơm này hoạt động luân phiên (1 chạy, 1 nghỉ) có nhiệm vụ bơm nước thải qua Bể điều hòa.

- **Bể điều hòa:** Bể này có chức năng chính như sau: Điều hòa lưu lượng, ổn định nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước thải, tránh gây sốc tải cho các công trình xử lý phía sau (do chế độ xả nước không ổn định). Giảm thể tích các công trình xử lý phía sau, từ đó giảm chi phí đầu tư. Đảm bảo cho hệ thống luôn hoạt động ổn định. Phân hủy một phần các chất ô nhiễm.

Hai bơm hoạt động luân phiên có nhiệm vụ bơm nước từ Bể điều hòa qua Bể thiếu khí 01 (Anoxic 01) và được điều khiển bởi hệ thống phao tự động.

- Bể thiếu khí 01, 02 (Anoxic 01,02):

Bể được thiết kế để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý nitơ tại bể cũng như toàn bộ hệ thống xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Bể thiếu khí đóng vai trò quan trọng trong xử lý nước thải vì bể này khử chất dinh dưỡng (khử nitơ) rất tốt nhờ vào quá trình xáo trộn hoàn toàn của dòng nước và tuần hoàn dòng nitrat có trong nước tuần hoàn từ Bể hiếu khí sang và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng sang. Cơ chế khử nitơ như sau:

+ Nitơ hữu cơ (Protein, Ure) trong quá trình thủy phân sẽ chuyển thành Nitơ amoni.

+ Nitơ amoni sẽ chuyển hóa thành nitrit rồi thành nitrat nhờ vào quá trình cung cấp oxi diễn ra trong bể hiếu khí.

+ Từ bể hiếu khí, dòng nitrat được cấp liên tục vào bể Anoxic. Tại đây, dưới sự kết hợp của vi khuẩn khử nitrat và hợp chất chứa cacbon sẽ chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử thoát ra khỏi dòng nước.

Quá trình Anoxic khử nitrat diễn ra hiệu quả khi DO thấp hơn 0,5 mg/l, lý tưởng hơn cả là DO thấp hơn 0,2 mg/l. Khi đó vi khuẩn sẽ gây liên kết trong ion nitrat để lấy oxy. Kết quả là nitrat bị khử thành N_2O và cuối cùng là N_2 , sản phẩm cuối cùng thân thiện với môi trường.

Ngoài ra để quá trình xử lý đạt hiệu quả tối ưu tại Bể thiếu khí, bể sẽ được lắp thêm hệ thống khuấy (mỗi bể anoxic bố trí 2 máy khuấy hoạt động luân phiên) xáo trộn nước thải trong bể đẩy nhanh quá trình xử lý và di trì lượng DO từ khoảng 0,2-0,5 mg/l.

Nước thải từ bể thiếu khí 1 sẽ tự chảy qua bể thiếu khí 2 do chênh lệch mực nước.

- **Bể hiếu khí 01, 02 (Aerotank 01, 02):** Nước thải từ Bể thiếu khí 02 (Anoxic 02) sẽ tiếp tục tự chảy sang Bể hiếu khí 01 (Aerotank 01), sau đó tiếp tục qua Bể hiếu khí 02 (Aerotank 02).

Bể hiếu khí 01, 02 (Aerotank 01, 02) có tác dụng xử lý triệt để hàm lượng chất ô nhiễm hữu cơ còn lại trong nước thải bằng công nghệ sinh học hiếu khí.

Dưới sự cung cấp oxy không khí từ hệ thống máy thổi khí, các vi sinh hiếu khí sẽ sinh trưởng và phát triển sinh khối nhờ vào quá trình tiêu thụ các chất hữu cơ ô nhiễm. Cụ thể quá trình như sau:

+ Không khí được cung cấp bằng máy thổi khí, lượng oxy hòa tan trong nước thải luôn được duy trì trong khoảng 2-4mg/l nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho sinh vật sống tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải. Tại đây, các chất hữu cơ ô nhiễm được vi sinh vật sử dụng làm nguồn thức ăn để tạo nên tế bào mới. Sản phẩm của quá trình này chủ yếu là CO_2 , H_2O và sinh khối vi sinh vật, các sản phẩm chứa Nitơ, Photpho và lưu huỳnh sẽ được vi sinh vật hiếu khí chuyển thành dạng NO_3^- , PO_4^{3-} , SO_4^{2-} .

Nước thải sau bể hiếu khí 2, một phần tự chảy về bể lắng, một phần được tuần hoàn về bể thiếu khí 1 và bể thiếu khí 2. Cơ sở trang bị 2 máy sục khí hoạt động luân phiên để cung cấp oxy cho các bể hiếu khí.

Nhân viên vận hành thường xuyên kiểm tra mật độ bùn trong các bể hiếu khí, nếu thấy lượng bùn thấp sẽ bổ sung thêm dưỡng chất và vi sinh để vi sinh phát triển tốt hơn, đảm bảo hiệu quả trong xử lý nước thải.

- **Bể lắng:** Nước thải sau quá trình xử lý sinh học hiếu khí chứa nhiều bông bùn vi sinh. Do vậy cần phải tách những bông bùn này ra khỏi hỗn hợp bùn và nước thải bằng Bể lắng trước khi qua quá trình xử lý tiếp theo. Bể lắng được thiết kế nhằm mục đích lắng bông bùn vi sinh bằng quá trình lắng trọng lực.

Bể chia làm 3 phần

- + Phần nước trong
- + Phần lắng
- + Phần chứa bùn

Nước được đưa vào qua máng phân phối rồi từ đó phân phối nước vào đầu bể. Dưới tác dụng của trọng lực các bông bùn vi sinh lắng xuống đáy, nước trong di chuyển lên trên. Phần nước trong sẽ được thu gom qua hệ thống máng tràn đặt ở cuối bể tiếp tục chảy sang bể khử trùng. Còn phần bùn lắng phía dưới được hệ thống cào gom về hố chứa (bên trong bể lắng), phần bùn được chia thành hai dòng như sau:

+ Dòng tuần hoàn trở lại bể anoxic (01, 02) để cung cấp vi sinh cho quá trình xử lý và duy trì nồng độ sinh khối cho quá trình xử lý sinh học giúp quá trình xử lý đạt hiệu quả cao.

+ Dòng bùn dư đưa đến bể chứa bùn để chờ xử lý định kỳ.

- **Bể khử trùng:** Nước sau bể lắng sẽ chảy qua Bể khử trùng, tại đây nước được khử trùng bằng dung dịch chlorine (nồng độ 0,2g/l) trước khi được đầu nối vào cống thoát nước thải KCN Bình Minh.

Quá trình tiêu diệt vi sinh vật xảy ra qua hai giai đoạn. Đầu tiên, chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh. Mục đích của khử trùng nhằm loại bỏ các vi trùng, vi khuẩn,... gây bệnh còn sót lại trong nước thải sau xử lý.

Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Bình Minh qua 01 điểm đầu nối (*thể hiện trên bản vẽ mặt bằng thoát nước thải*). Chủ cơ sở lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng xả thải tại ống thoát sau bể khử trùng, nhằm kiểm soát lưu lượng xả thải và cập nhật vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- **Bể chứa bùn:** Phần bùn dư phát sinh từ Bể lắng có thành phần độ ẩm cao được dẫn về bể chứa bùn để ổn định thể tích và phân hủy bùn. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có năng lực đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Cơ sở sẽ lập sổ nhật ký vận hành trong đó ghi rõ chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước thải; hóa chất châm vào; tình trạng vận hành hệ thống xử lý nước thải; xem công đoạn nào phát sinh nước thải và cơ sở sẽ vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải. Đồng thời, khi thấy có dấu hiệu bất thường, cơ sở sẽ phân công nhân viên theo dõi, thực hiện lấy mẫu phân tích và kiểm soát chặt chẽ ở giai đoạn này.

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt theo thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Minh (Công ty Cổ phần TV – TM – DV Địa ốc Hoàng Quân MêKông). Đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Chủ cơ sở cam kết đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

- Hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải: hóa chất Chlorine sử dụng cho công đoạn khử trùng, liều lượng khoảng 0,2g/l.

- Mức tiêu thụ điện năng của hệ thống xử lý nước thải: 50 kWh/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tại hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Minh qua 01 điểm đầu nối (tại Đường ống uPVC D114 thoát nước thải nội bộ kết nối với hố ga Q302).

- Duy trì thường xuyên và đúng quy định hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Lập sổ nhật ký vận hành Hệ thống xử lý nước thải.

- Các công đoạn có sử dụng bơm, máy thổi khí đều được trang bị 2 máy hoạt động luân phiên.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kiểm tra hóa chất sử dụng và chất lượng nước thải đầu ra.

- Khi có sự cố từ hệ thống xử lý nước thải cần tìm ra ngay nguyên nhân và khắc phục trong thời gian sớm nhất.

- Khi có sự cố thì phải tạm ngừng vận hành, chỉ được vận hành lại khi khắc phục xong sự cố

- Trang bị thêm máy sục khí và máy khuấy dự phòng để thay thế khi có sự cố.
- Phân công nhân viên thường xuyên vệ sinh bể thu gom (3 ngày vệ sinh 1 lần).
- Định kỳ thu gom bùn dư từ bể lắng về bể chứa bùn, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bùn theo quy định.
- Theo dõi, thường xuyên việc châm hóa chất khử trùng.
- Bố trí nhân viên vận hành và theo dõi hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra mật độ bùn trong các bể hiếu khí để kịp thời bổ sung dưỡng chất, vi sinh khi cần thiết.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải: Nước thải sau xử lý đạt theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bình Minh (đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B) và cam kết đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Minh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở được tóm tắt qua bảng sau:

STT	Tên công trình xử lý ô nhiễm	Thời gian vận hành thử nghiệm	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Công trình xử lý nước thải	06/2025	11/2025

- Tần suất giám sát: 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (1 mẫu nước thải đầu vào, 3 mẫu nước thải đầu ra).

- Vị trí và thông số giám sát nước thải được trình bày chi tiết như sau:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số giám sát
1	- Nước thải đầu vào HTXLNT, tại bể thu gom của HTXLNT. Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰): X=1109533, Y= 535467 - Nước thải đầu ra sau HTXLNT, tại hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Minh. Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰): X=1109691, Y= 535611.	pH, Chất rắn lơ lửng, BOD ₅ , COD, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Amoni, Sunfua, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: Theo thỏa thuận đầu nối với KCN Bình Minh – QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi thải ra điểm tiếp nhận theo thỏa thuận đầu nối.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Minh.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong KCN, không xả nước thải không đạt quy chuẩn môi trường theo thỏa thuận vào hệ thống thu gom tập trung của KCN Bình Minh.

- Việc xác định lượng nước thải để tính phí thoát nước thải được thực hiện theo thỏa thuận với Chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 857/GPMT-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn 01: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

+ Khu vực nhà xe máy 1: Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X=1109587, Y=535379.

+ Khu vực nhà xe máy 2: Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X=1109386, Y=535119.

- Nguồn 02: Từ máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

+ Khu vực nhà xưởng 1: Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X= 1109443; Y=535347.

+ Khu vực nhà xưởng 2: Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X=1109340; Y=535225.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Nhà máy được xây tường kín bao xung quanh kiên cố, các thiết bị được lắp đặt bên trong xưởng sản xuất nên hạn chế tiếng ồn phát tán ra ngoài.

- Bảo dưỡng, bảo trì các phương tiện vận chuyển (xe nâng) và sửa chữa khi cần thiết.

- Bố trí hợp lý thời gian xe vận chuyển ra vào nhà máy.

- Định kỳ kiểm tra, vô dầu mỡ, sửa chữa và thay mới những chi tiết bị mòn, bị hư hỏng.

- Lắp đặt đệm cao su ở chân đế máy móc, thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn do thiết bị gây ra. Định kỳ thay mới đệm cao su theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (bóng đèn led hư hỏng)	Rắn	15	16 01 13
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	100	17 02 03
3	Bao bì kim loại cứng thải (thùng phuy chứa nhớt, dầu mỡ bôi trơn)	Rắn	20	18 01 02
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau nhiễm dầu, nhớt thải,...)	Rắn	30	18 02 01
5	Pin, ắc quy thải(Pin thải từ hoạt động văn phòng)	Rắn	5	16 01 12
6	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	7	18 01 01
7	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	1.404	19 10 01
	Tổng		1.581	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Dây điện thừa (dây đồng, dây 013, dây nhôm)	78,012
2	Đầu cos (Tanshi)	0,570
3	Vòng ron nhựa	0,311
4	Khớp nối (âm, dương)	0,895
5	Khớp cài	0,149
6	Vòng nhựa	0,024
7	Ống luồng	6,286
8	Miếng đệm mềm	0,098
9	Lõi băng keo điện	4,734
10	Giấy carton	0,816
11	Bao bì nilon	1,5
12	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	150
	Tổng cộng	243,395

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4.735 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, số lượng 6 thùng, thể tích 120 lít/thùng. Riêng nước thải có các thành phần nguy hại được chứa trong các can nhựa 30 lit/thùng.

- Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 16m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu Móng, khung, cột bằng bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền bê tông xi măng, có cửa kín.

2.2. Hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: báo nilong, thùng nhựa.

- Nhà chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích kho: 133,9m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu Móng, khung, cột bằng bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền bê tông xi măng, có cửa kín.

2.3. Hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, số lượng 50 thùng, thể tích 120 lít/thùng.

- Khu vực tập kết rác sinh hoạt:

+ Diện tích khu vực lưu chứa (khu vực đặt thùng rác): 25m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố phòng cháy chữa cháy (PCCC):

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.

- Trang bị hộp nước vách tường, hồ chứa nước PCCC, máy bơm nước PCCC đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Bố trí kim thu sét cho mái của các kho, xưởng bảo trì, văn phòng, các si lô, ống khói lò hơi và khu sản xuất để phòng, chống sét đánh.

- Trang bị thiết bị cảnh báo cháy và bình chữa cháy khu vực kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ công nhân viên của cơ sở.

- Lập kế hoạch tập huấn thường xuyên và kế hoạch diễn tập hàng năm. Khi tiến hành diễn tập phòng cháy chữa cháy Công ty sẽ báo cáo với Công ty Cổ phần TV - TM - DV Địa Ốc Hoàng Quân Mê Kông biết để có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tránh trường hợp lượng nước này chảy vào hệ thống thoát nước mưa làm ảnh hưởng đến chất lượng nước tại các cửa xả nước mưa của KCN.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy như: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu

- Khu vực đặt bồn chứa dầu có bố trí gờ chống tràn và hố thu dầu sự cố.
- Bồn chứa dầu được kiểm tra, kiểm định theo quy định.
- Khu vực bồn chứa dầu đặt biển báo nghiêm cấm lửa và đặt bảng cấm hút thuốc, cấm mang vật có khả năng cháy. Thực hiện thông gió tự nhiên, lắp đặt các trang thiết bị chống sét.
- Không sử dụng dụng cụ, thiết bị có khả năng gây ra tia lửa điện do ma sát hay va đập.